

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ NHÂN THẮNG,
HUYỆN GIA BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010, về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của UBND huyện Gia Bình tại tờ trình số 02/TT-UBND ngày 28/01/2016, kèm theo Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 26/5/2015 của HĐND huyện Gia Bình và Báo cáo số 24/BCTĐ-SXD ngày 29/3/2016 của Sở Xây dựng, về việc thẩm định đồ án quy hoạch chung đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô quy hoạch

a. Phạm vi và ranh giới quy hoạch: Trong địa giới hành chính xã Nhân Thắng; có ranh giới như sau: Phía bắc giáp xã Đại Lai và xã Thái Bảo; phía nam giáp xã Phú Hoà, huyện Lương Tài; phía đông giáp xã Bình Dương; phía tây giáp xã Xuân Lai.

b. Quy mô quy hoạch

- Quy mô dân số:

+ Đến năm 2020 khoảng 9.662 người;

+ Đến năm 2030 khoảng 12.130 người.

- Quy mô đất xây dựng đô thị:

+ Đến năm 2020: Tổng diện tích đất xây dựng và phát triển đô thị khoảng 251,2 ha;

+ Đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng và phát triển đô thị 315,4 ha.

2. Tính chất đô thị

Là một trong những đô thị của huyện Gia Bình, là trung tâm hành chính của đô thị Nhân Thắng; trung tâm văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông của cụm xã phía đông huyện Gia Bình, bao gồm các xã Đại Lai, Thái Bảo, Bình Dương.

3. Định hướng phát triển, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch phân khu chức năng, và thiết kế đô thị

a. Định hướng phát triển đô thị

- Quy hoạch đô thị Nhân Thắng theo định hướng phát triển từ khu vực trung tâm thị tứ Ngụ cũ kết hợp với cảnh quan mặt nước tự nhiên đặc trưng riêng của vùng (nơi hội tụ của 03 dòng sông gồm sông Ngụ, sông Đoàn, sông Khoai) quy hoạch các khu chức năng về các hướng dọc theo QL.17 (ĐT 282 cũ).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC NINH

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 2205

Ngày: 11 tháng 5 năm 2016

- Quy hoạch trục đường trung tâm đi qua khu trung tâm đô thị.
- b. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan
 - Quy hoạch khu thương mại dịch vụ tại khu vực phía đông trên trục đường trung tâm, mở rộng diện tích về phía đông nam đến giáp QL.17.
 - Quy hoạch trục cảnh quan hai bên hành lang và dọc sông Ngụ, sông Đoàn, sông Khoai.
 - Quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp tập trung phía đông và tây đô thị.
- c. Quy hoạch phân khu chức năng
 - Khu trung tâm hành chính, chính trị: Trung tâm hành chính hiện trạng được giữ nguyên vị trí, mở rộng về phía đông bắc dọc trục đường trung tâm với tổng diện tích khoảng 2,6 ha để bố trí các công trình công cộng đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị.
 - Các khu công trình công cộng
 - + Công trình thương mại: Khu chợ Ngụ cũ giữ nguyên, cải tạo và mở rộng về phía đông nam đến giáp QL.17 với diện tích khoảng 5,1 ha. Khu thương mại dịch vụ bố trí tại phía đông bắc liền kề với thôn Lê Lợi trên trục đường trung tâm với diện tích khoảng 7,9 ha.
 - + Công trình văn hóa - thể dục thể thao: Khu trung tâm văn hoá diện tích 3,4 ha và khu thể dục thể thao diện tích 6,6 ha bố trí tại phía tây của đô thị, trên trục đường trung tâm. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử diện tích khoảng 4,99 ha và đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ diện tích khoảng 0,5 ha.
 - + Công trình y tế: Khu y tế bố trí tại phía tây trên trục đường trung tâm đối diện với khu công trình văn hóa với diện tích khoảng 4,7 ha. Trạm y tế hiện trạng nâng cấp đảm bảo đáp ứng nhu cầu đô thị.
 - + Công trình giáo dục đào tạo: Tổng diện tích khoảng 7,7 ha, trong đó trường THPT cấp 3 hiện trạng giữ nguyên vị trí, thu hẹp ranh giới phía đông để bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng trục đường trung tâm. Khu đất giáo dục tập trung với diện tích khoảng 4,4 ha bố trí tại phía tây đô thị giáp thôn Khoái Khê. Khu đất giáo dục với diện tích khoảng 1,3 ha bố trí tại phía đông đô thị giáp thôn Lê Lợi.
 - Khu ở đô thị
 - + Đất ở hiện trạng: Các khu ở hiện trạng với tổng diện tích khoảng 155,0 ha, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng đảm bảo đồng bộ và mỹ quan đô thị.
 - + Đất ở mới: Các khu ở mới với tổng diện tích khoảng 32,3 ha gồm các khu tại vị trí phía đông nam giáp thôn Lê Lợi và thôn Cầu Đào; phía đông bắc giáp thôn Nhân Hữu; phía tây giáp thôn Khoái Khê quy hoạch theo hướng sinh thái với các công trình công cộng, đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành, đồng thời phù hợp với nhu cầu của người dân địa phương.
 - + Đất công trình công cộng cấp khu ở: Các khu trung tâm thôn với công trình nhà văn hóa, sân thể thao... với tổng diện tích khoảng 6,6 ha bố trí trong các khu ở hiện trạng phục vụ nhu cầu của nhân dân.
 - Khu công viên cây xanh, mặt nước: Tập trung tại khu vực trung tâm, chạy dọc theo dòng sông Ngụ và sông Đoàn với tổng diện tích khoảng 29,3 ha gồm các chức năng như công viên cây xanh và mặt nước, khu vui chơi, khu dịch vụ tổng hợp.

- Khu công nghiệp: Nhà máy may Việt Thành hiện trạng với diện tích khoảng 4,0 ha tại phía tây nam đô thị giáp thôn Khoái Khê. Một phần Khu công nghiệp Gia Bình II nằm trong ranh giới phía đông bắc đô thị khoảng 45,7 ha.

- Khu nông nghiệp: Tổng diện tích khoảng 289,37 ha, gồm đất mặt nước sông 53,77 ha và đất sản xuất nông nghiệp 235,6 ha quy hoạch phát triển tập trung tại phía bắc QL.17 đóng vai trò là vùng sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời là lá phổi xanh, tạo cảnh quan, môi trường sinh thái phục vụ người dân trong và ngoài khu vực.

- Khu dự trữ phát triển: Tổng diện tích khoảng 89,4 ha, phân bố trong khu vực nhằm đảm bảo nhu cầu của đô thị trong tương lai.

4. Quy hoạch sử dụng đất

| T T | Loại đất | Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 | | | Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 | | |
|--------|---|---------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------------|--------------------------------|
| | | Diện tích (ha) | Tỉ lệ (%) | Chỉ tiêu (m ² /ng) | Diện tích (ha) | Tỉ lệ (%) | Chỉ số (m ² /ng) |
| A | Đất dân dụng | 316,64 | 38,67 | 327,72 | 333,34 | 40,71 | 274,81 |
| 1 | Đất xây dựng đơn vị ở | 193,90 | | 200,68 | 199,20 | | 164,22 |
| 2 | Đất công cộng đô thị | 20,75 | | 21,48 | 25,45 | | 20,98 |
| 3 | Đất cây xanh, khu vui chơi, đất TDĐT | 35,90 | | 37,16 | 35,90 | | 29,60 |
| 4 | Đất giao thông đô thị | 66,09 | | 68,40 | 72,79 | | 60,01 |
| B | Đất ngoài dân dụng | 123,34 | 15,06 | 127,66 | 127,34 | 15,55 | 104,98 |
| 1 | Đất công nghiệp, kho tàng | 49,70 | | 51,44 | 49,70 | | 40,97 |
| 2 | Đất giao thông đối ngoại | 54,20 | | 56,10 | 54,20 | | 44,68 |
| 3 | Đất di tích lịch sử, tôn giáo | 4,99 | | 5,16 | 4,99 | | 4,11 |
| 4 | Đất dịch vụ- thương mại cấp cụm xã | 5,10 | | 5,28 | 9,10 | | 7,50 |
| 5 | Đất NT, bãi rác, nhà máy nước thải.. | 9,35 | | 9,68 | 9,35 | | 7,71 |
| C | Đất nông nghiệp, sông, dự kiến phát triển | 378,77 | 46,26 | 392,02 | 358,07 | 43,73 | 295,19 |
| | Tổng diện tích đất tự nhiên | 818,75 | 100,0 0 | | 818,75 | 100,0 0 | |

5. Thiết kế đô thị và quy định quản lý

a. Thiết kế đô thị: Phối cảnh tổng thể; quy hoạch sử dụng đất khu trung tâm; không gian kiến trúc cảnh quan và các hình ảnh minh họa trong khu trung tâm đô thị.

b. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch.

6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- Quy hoạch san nền: Theo cốt nền hiện trạng là cốt giả định, không xác định theo hệ tọa độ chuẩn, nên đồ án quy hoạch chung không khống chế cao độ san nền, việc khống chế cao độ san nền sẽ được thực hiện trong các bước quy hoạch tiếp theo.

- Quy hoạch thoát nước mưa.

+ Lưu vực 1: Khu vực phía bắc nước mưa thoát ra sông Đoàn.

+ Lưu vực 2: Khu vực phía đông nước mưa thoát ra kênh N39.

+ Lưu vực 3: Khu vực phía nam nước mưa thoát vào hệ thống thoát nước trên QL.17 và thoát ra sông Ngụ.

+ Lưu vực 4: Khu vực phía tây nước mưa thoát vào hệ thống kênh tiêu và thoát ra sông Khoai.

b. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đường bộ:

+ Mặt cắt Đ1: $53,0m = 10,0 \times 2 + 15,0 \times 2 + 3,0$.

+ Mặt cắt Đ2: $40,0m = 5,0 \times 2 + 3,0 \times 2 + 10,5 \times 2 + 3,0$.

+ Mặt cắt Đ3: $25,0m = 5,0 \times 2 + 7,5 \times 2$.

+ Mặt cắt đường nội bộ: $16,0m = 4,5 \times 2 + 7,0$.

- Bến, bãi đỗ xe: Quy hoạch 02 bãi đỗ xe và 01 bến xe.

c. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu: Đến năm 2020 là $1.280 m^3/\text{ngày.đêm}$; đến năm 2030 là $2.143 m^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn nước: Từ nhà máy nước Đại Lai.

d. Quy hoạch cấp điện

- Tổng nhu cầu: Đến năm 2020 là $11.811,0 \text{ kVA}$; đến năm 2030 là $13.676,4 \text{ kVA}$.

- Nguồn điện: Từ điện lưới quốc gia tại trạm điện 110/22KV Gia Bình.

e. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Tổng nhu cầu: Đến năm 2020 là 2.490 thuê bao; đến năm 2030 là 3.033 thuê bao.

- Nguồn cấp: Từ trạm BTS khu vực.

f. Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng công suất: Đến năm 2020 là $2.400 m^3/\text{ngày.đêm}$; đến năm 2030 là $2.900 m^3/\text{ngày.đêm}$.

- Quy hoạch nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt diện tích khoảng 0,5 ha với tổng công suất $2.000 m^3/\text{ngày.đêm}$ tại khu vực phía Tây thôn Hương Triện.

g. Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý chất thải

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt: Đến năm 2020 khoảng 7,83 tấn/ngày.đêm; đến năm 2030 khoảng 12,13 tấn/ngày.đêm.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện.

h. Quy hoạch nghĩa trang: Đất nghĩa trang gồm 06 nghĩa trang của các khu ở hiện trạng (các thôn) với tổng diện tích khoảng 6,05 ha hoàn thiện hạ tầng, trồng cây xanh.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, cải tạo và xây mới hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng, hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Khai thác hợp lý tài nguyên đất, chống xói mòn và bạc màu đất canh tác. Áp dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, hạn chế sử dụng phân bón hóa học, tăng cường sử dụng phân vi sinh để bảo vệ môi trường và nguồn nước.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành trước khi xả ra môi trường. Di dời các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong khu dân cư cũ đến các khu, cụm công nghiệp tập trung.

- Nâng cấp hệ thống lò đốt chất thải y tế cho bệnh viện, thu gom chất thải rắn y tế từ các trạm y tế trong đô thị đến lò đốt hợp lý và đạt hiệu quả.

- Quản lý giám sát chất lượng các nguồn nước mặt trong đô thị.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

UBND huyện Gia Bình tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới xây dựng đồ án quy hoạch chung đô thị Nhân Thắng, huyện Gia Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định hiện hành.

Điều 3: Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND huyện Gia Bình, UBND xã Nhân Thắng các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện. / *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, CN.XDCB, CVP;

TM. UBND TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Như